TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/HSST
Ngày 15-5-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:Ông Hà Văn Nâu.
Thẩm phán: Ông Nguyễn Trung Thông.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Chiến;
2. Ông Hoàng Văn Khánh;
3. Ông Nguyễn Hoàng Tâm.

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Tố Hoa -Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Cường- Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khaivụ án hình sựthụ lý số08/2020/HSST ngày 17 tháng 01 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2020/HSST-QĐ ngày 17 tháng 3 năm 2020, đối với bị cáo:

- Bị cáo cáo kháng:

Dương Ngọc T, sinh năm 1974. Tên gọi khác: Không có. Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay:Thôn Đ, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Dương Văn N, sinh năm 1947, con bà Lương Thị S, sinh năm 1947; có vợ Đàm Thị H, sinh năm 1982 (đã ly hôn). Bị cáo có 04 con, con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2018. Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 05/4/2019. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Phan Văn Tiền – Luật sư Văn phòng Luật sư Phan Tiền và Cộng sự thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang, có mặt.

Bị hại:

- Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1976 và chị Đinh Thị H, sinh năm 1983; cùng địa chỉ: Số nhà X, đường G, phường D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang, có mặt;

- Anh Ngô Quang H, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang, vắng mặt;

Nguyên đơn dân sự: Công ty Cổ phần tập đoàn tài chính H;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.Người đại diện theo pháp luật của Công ty: Ông Ngô Quang H – Chức vụ: Tổng Giám đốc, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị hại và nguyên đơn dân sự anh Ngô Quang H: Ông Nguyễn Đức Tuân – Luật sư Công ty TNHH Luật Minh Anh, địa chỉ số 512, đường Lê Lợi, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang, có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án;

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*Anh Vũ Đức T, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Số Y, ngõ P, H, phường Th, thành phố B, tỉnh Bắc Giang, có mặt.

Người làm chứng:

- Chị Đỗ Thị H, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Thôn Ph, xã PhS, huyện L, tỉnh Bắc Giang, vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị Hương, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Số nhà P, ngõ R, đường G, phường D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt xe ô tô biển số 98A-XXX.YY **trị giá 580 triệu đồng của Công ty cổ phần tập đoàn tài chính H và sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức**

Năm 2017, Dương Ngọc T, sinh năm 1974 trú tại thôn Đ, xã T, thành phố B quen biết anh Ngô Quang H là Tổng Giám đốc Công ty cổ phần tập đoàn tài chính H có địa chỉ ở thôn Đ, xã Đ, thành phố B và được anh H nhận vào làm tại tại công ty nhưng không ký hợp đồng lao động. T có nhiệm vụ là tư vấn công nghệ sơn nhà và thu hồi nợ cho công ty. T được anh H giao cho 01 con dấu với chức danh Phó Giám đốc công ty để thuận tiện trong công việc.

Ngày 14/6/2018, Công ty H mua 01 xe ô tô nhãn hiệu Chevorlet Orlando biển kiểm soát 98A-XXX.YY đăng ký chủ sở hữu là công ty. Ngày 29/6/2018, Công ty thế chấp ô tô trên cho Ngân hàng TMCP T - Chi nhánh Th có địa chỉ Tòa nhà số U, đường Tr, phường V, quận H, thành phố Hà Nội vay 562.000.000 đồng, thời hạn vay 72 tháng.

Ngày 13/7/2018, Công ty H do anh H đại diện giao chiếc xe ô tô BKS 98A-XXX.YY cho T sử dụng phục vụ công việc của công ty và nhu cầu cá nhân T. Hai bên có làm biên bản giao xe với nội dung "Chiếc xe ô tô 98A-XXX.YY có giá trị là 800.000.000 đồng (trong đó Công ty vay ngân hàng 562.000.000 đồng, của anh H 193.000.000 đồng và T có 45.000.000 đồng). Công ty bàn giao xe cho T sử dụng và đứng tên chính chủ khi T trả anh H số tiền 193.000.000 đồng, trả cho Ngân hàng 562.000.000 đồng". Sau khi được giao xe, T sử dụng xe nhưng không trả tiền cho anh H và Ngân hàng như đã cam kết. Sau đó, T không đến công ty làm việc.

Khoảng tháng 8/2018, T quen biết đối tượng tự giới thiệu tên Tuấn quê ở tỉnh Nam Định (nhưng không biết địa chỉ cụ thể) và biết Tuấn có thể làm giả các loại giấy tờ để bán. T thuê Tuấn làm giả giấy tờ đăng ký và đăng kiểm xe ô tô 98A-XXX.YY mang tên Dương Ngọc T với giá 2.000.000 đồng. Sau khi làm xong, Tuấn giao cho T tại khu vực ngã tư tử thần thuộc xã N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Ngày 03/10/2018, T mang xe ô tô 98A-XXX.YY cùng 01 giấy đăng ký xe ô tô làm giả mang tên Dương Ngọc T thế chấp cho anh Vũ Đức T, sinh năm 1988 trú tại Số Y, ngõ P Hà Vị, phường Th, thành phố B vay 350.000.000 đồng. Ngày 20/10/2018, T tiếp tục vay thêm anh T 150.000.000 đồng. Do không có tiền trả nợ nên ngày 17/12/2018, T bán chiếc xe ô tô trên cho anh T với giá 550.000.000 đồng. Các lần vay tiền và bán xe thì T đều tự tay viết giấy vay tiền, giấy bán xe rồi giao cho anh T giữ. Tháng 12/2018, T đưa cho anh T 01 giấy chứng nhận kiểm định số 5417720 của xe ô tô 98A-XXX.YY.

Tháng 4/2019, anh T định bán xe ô tô 98A-XXX.YY thì biết thông tin chiếc xe này đang thế chấp vay tiền tại Ngân hàng. Sau đó, anh T biết T đã bị Công an tỉnh Bắc Giang khởi tố, bắt tạm giam về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên anh T có đơn tố cáo và giao nộp xe ô tô và giấy tờ liên quan.

Ngày 17/4/2019, anh H làm đơn tố cáo và giao nộp 01 biên bản bàn giao xe đề ngày 13/7/2018 cùng các tài liệu liên quan.

Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của Dương Ngọc T trên các giấy vay, nhận tiền, biên bản bàn giao xe, giấy tờ xe đã thu giữ và định giá xe ô tô biển số 98A-XXX.YY.

Kết luận định giá tài sản số 08/KL-HĐĐG ngày 28/8/2019 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự Uỷ ban nhân dân tỉnh Bắc Giang kết luận:

Chiếc xe ô tô biển số 98A-XXX.YY có giá trị 580.000.000 đồng tại thời điểm tháng 10/2018.

Bản kết luận giám định bổ sung số 1147/KL-KTHS ngày 15/7/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận:

- Chữ ký, chữ viết trên các giấy vay tiền ngày 03/10/2018, 20/10/2018; giấy bán xe ngày 17/12/2018 so với chữ ký, chữ viết của Dương Ngọc T là do cùng một người ký, viết ra.

- Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô 203695 mang tên Dương Ngọc T và Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số KC5417720 là giả, được làm bằng phương pháp in phun màu.

Bản kết luận giám định bổ sung Số Y58/KL-KTHS ngày 10/9/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận:

- Chữ ký, chữ viết mang tên Dương Ngọc T tại mục "Đại diện bên nhận" trên biên bản bàn giao xe ô tô ngày 13/7/2018 so với chữ ký, chữ viết của Dương Ngọc T là do cùng một người ký, viết ra.

Về trách nhiệm dân sự: Cơ quan điều tra đã trả lại xe ô tô biển số 98A-XXX.YY cho anh Ngô Quang H và anh H có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho T. Còn anh Vũ Đức T yêu cầu T trả lại số tiền 550.000.000 đồng.

2. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt 1.400.000.000 đồng của vợ chồng ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1976 trú tại số 405, đường G, phường D, thành phố B

Dương Ngọc T quen biết với vợ chồng ông Nguyễn Văn Th, bà Đinh Thị H vì vợ T là chị họ ông Th. Tháng 11/2018, T biết gia đình ông Th cần tìm mua đất để kinh doanh nên nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền của ông Th. T nói dối là T đang sở hữu 02 lô đất vừa đấu giá được và muốn bán cho ông Th (01 lô đất tại làn H đường Nguyễn Thái H, xã T bán với giá 830.000.000 đồng; 01 lô đất gần Ủy ban nhân dân xã S bán với giá 660.000.000 đồng). Sau đó, T dẫn vợ chồng ông Th đến xã T và xã S rồi chỉ vào lô đất bất kỳ để vợ chồng ông Th xem. Tin lời T, vợ chồng ông Th đồng ý mua 02 lô đất này. T bảo vợ chồng ông Th phải đặt cọc và đưa tiền cho T làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất. Từ ngày 05/11/2018 đến ngày 15/11/2018, vợ chồng ông Th đã 05 lần đưa tiền cho T với tổng số 1.330.000.000 đồng, cụ thể:

- Ngày 05/11/2018, bà H đưa cho T 40.000.000 đồng tiền đặt cọc;

- Ngày 06/11/2018, ông Th đưa cho T 415.000.000 đồng. T viết giấy nhận tiền nội dung: T nhận của anh chị H-Th số tiền 415.000.000 đồng. T hẹn đến ngày 07/12/2018 sẽ nhượng lại cho anh chị (Th - H) 01 lô đất trị giá 830.000.000 đồng.

- Ngày 09/11/2018, ông Th đưa cho T 660.000.000 đồng. T viết giấy nhận tiền nội dung: T nhận của anh chị Th - H số tiền 660.000.000 đồng để đặt cọc mua đất, trong thời gian là 15 ngày T sẽ bàn giao đất cho anh Th - H.

- Ngày 12/11/2018, bà H chuyển 200.000.000 đồng vào tài khoản 152324127 của T.

- Ngày 15/11/2018, bà H đưa cho T 15.000.000 đồng nộp phí lấy sổ đỏ.

Đến hẹn không thấy T giao đất cùng sổ đỏ, ông Th nhiều lần yêu cầu T giao đất nhưng T không giao. Ngày 02/01/2019, vợ chồng ông Th đến nhà Tuấn thì T thừa nhận việc không có bất kỳ lô đất nào ở xã S và xã T, thành phố B.T vay ông Th 70.000.000 đồng nói để chuộc xe ô tô đã cắm trước đó về đưa cho ông Th sử dụng và viết giấy cam kết đến ngày 17/01/2019 sẽ trả lại hết tiền cho vợ chồng ông Th. Sau đó, T không giao xe cũng như trả tiền cho ông Th.

Ngày 05/3/2019, ông Th làm đơn tố cáo gửi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang và giao nộp các giấy nhận tiền, chuyển khoản.

Cơ quan điều tra đã cho bị can T, vợ chồng ông Th xác định 02 lô đất mà T đưa đi xem, kết quả: Bị can T, vợ chồng ông Th đều chỉ được đúng lô đất bị can T đã đưa vợ chồng ông Th đi xem tại xã S và xã T, thành phố B.

Kết quả điều tra xác định: Lô đất tại xã T là của bà Hoàng Thị L, sinh năm 1971 trú tại thôn T, xã T, thành phố B; lô đất tại xã S là của ông Nguyễn Khắc S, sinh năm 1986 trú tại thôn S 1, xã S, thành phố B. Bà L, ông S đấu giá được các lô

đất này và đã làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; bà L, ông S không trao đổi, giao bán đất và không quen biết T.

Cơ quan điều tra tiến hành trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của Dương Ngọc T trên các giấy vay, nhận tiền, biên bản bàn giao xe, giấy cam kết trả tiền; trưng cầu giám định giấy tờ xe đã thu giữ và định giá xe ô tô biển số 98A-XXX.YY.

Bản kết luận giám định số 379/KL- KTHS ngày 27/3/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận:

- Chữ ký, chữ viết trên các giấy nhận tiền, giấy cam kết trả nợ (trừ chữ ký, chữ viết tại mục Người giao tiền, người làm chứng) so với chữ ký, chữ viết của Dương Ngọc T là do cùng một người ký, viết ra.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn Văn Th yêu cầu T trả lại 1.400.000.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 10/CT-VKS-P2 ngày 16/01/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang đã truy tố Dương Ngọc T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" và tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174; khoản 4 Điều 175 và khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự.

Trong quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo Dương Ngọc T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"và tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"như bản cáo trạng đã truy tố. Còn đối với tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" bị cáo cho rằng bị cáo không phạm tội vì chiếc xe ô tô biển số 98A-XXX.YY đứng tên Công ty cổ phần tập đoàn tài chính Hcó 45.000.000đồnglà tiền đóng góp của bị cáo.

Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị HĐXX: Tuyên bố bị cáo Dương Ngọc T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" và tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1Điều 51và Điều 38BLHS 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Dương Ngọc T từ 12 năm đến 12 năm06 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

- Áp dụng khoản 4 Điều 175; điểm s khoản 1và khoản 2 Điều 51và Điều 38BLHS 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Dương Ngọc T từ 12 năm đến 12 năm 06 tháng tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

- Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm s khoản 1Điều 51và Điều 38BLHS 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Dương Ngọc T từ 06 tháng đến 12 tháng tù về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

- Áp dụng Điều 55 BLHS 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Dương Ngọc T phải chịu hình phạt chung của các tội từ 24 năm 06 tháng đến 25 năm 06 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

Ngoài ra còn đề nghị xử lý về trách nhiệm dân sự, vật chứng và án phí theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đối với tội Lạm dụng anh H đã nhận lại tài sản nên chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn về tài sản đối với hai tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" và tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"nên bị cáo hưởng tình tiết quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 BLHS;trong quá trình điều tra, anh H có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, bị cáo có cha là ông Dương Văn N là thương binh, gia đình có công với cánh mạng nên bị cáo hưởng các tình tiết quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS nên đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất ở khung hình phạt.

Tại phần tranh luận, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như lời luận tội và quan điểm buộc tội của Viện kiểm sát. Bị cáo tha thiết đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát tranh luận, đối đáp ý kiến của Luật sư đề nghị HĐXX không áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 BLHS vì hành vi của bị cáo đã gây thiệt hại và thiệt hại lớn cho bị hại, của người có quyền lợi liên quan vàxâm phạm đến lĩnh vực quản lý nhà nước.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn dân sự và bị hại anh Ngô Quang H: Ông Nguyễn Đức Tuân đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo nói lời sau cùng, tha thiết đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có cơ hội trở về với gia đình, cộng đồng và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra , Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là đảm bảo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án:Ngày 13/7/2018, Dương Ngọc T được anh Ngô Quang H là Tổng Giám đốc Công ty cổ phần tập đoàn tài chính H giao cho chiếc xe ô tô biển số 98A-XXX.YY trị giá 580.000.000 đồng để quản lý, sử dụngcho

công việc của công ty. Sau khi sử dụng một thời gian, T đã thuê người làm giả giấy tờ đăng ký, đăng kiểm xe ô tô rồi đem thế chấp, bán cho anh Vũ Đức T lấy số tiền là 550.000.000 đồng sử dụng chi tiêu cá nhân.

Tháng 11/2018, T biết gia đình ông Nguyễn Văn Th có nhu cầu mua đất để kinh doanh, T đã nói dối vợ chồng ông Th có 02 lô đất ở xã S và xã T, thành phố B đang cần bán. T đưa vợ chồng ông Th đi xem 02 lô đất bất kỳ để vợ chồng ông Th tin tưởng, đồng ý mua và nhiều lần đưacho T với tổng số tiền là 1.330.000.000 đồng.

Sau đó, T nói dối có xe ô tô đang thế chấp để vay của ông Th 70.000.000 đồng chuộc xe về giao cho ông Th rồi chiếm đoạt. Tổng số tiền T đã chiếm đoạt của vợ chồng ông Th là 1.4000.000.000 đồng.

[3]. Hành vi phạm tội của bị cáo được chứng minh bằng lời khai nhận tội của bị cáo, lời khai của bị hại, của người đại diện cho nguyên đơn dân sự, của người có quyền lợi liên quan, của những người làm chứng, phù hợp với thời gian, địa điểm xảy ra tội phạm. Như vậy, có đủ cơ sở kết luậnbị cáo Dương Ngọc T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" và tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174; khoản 4 Điều 175 và khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự. Bản Cáo trạng số 10/CT-VKS-P2 ngày 16/01/2020của VKSND tỉnh Bắc Giang đã truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4]. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, xâm phạm đến lĩnh vực quản lý nhà nướcmà còn ảnh hưởng xấu đến an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội, làm cho người bị hại, người có quyền lợi liên quan và quần chúng nhân dân bất bình lên án. Do đó phải xử phạt bị cáo một hình phạt nghiêm để giáo dục riêng và phòng ngừa chung về tội phạm.

[5]. Xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Ngoài các tình tiết định tội và định khung hình phạt, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, cũng nh□ tại phiên toà, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS; tài sản bị cáo chiếm đoạt đã được trả lại cho anh Ngô Quang H nên anh H xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo; tại phiên tòa anh Vũ Đức T cũng đề nghị xem xét, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáovà bị cáo có cha là ông Dương Văn Năm là thương binh, gia đình có công với cánh mạng nên bị cáo hưởng các tình tiết quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

Đối với đề nghị của Luật sư đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 BLHS là không có căn cứ. Vì hành vi của bị cáo đã gây thiệt hại và thiệt hại lớn cho bị hại, cho người có quyền lợi liên quan;xâm phạm

đến lĩnh vực quản lý nhà nước như ý kiến đối đáp của đại diện Viện kiểm sát đã đưa ra.

- Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Từ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, HĐXX xét thấycần áp dụng hình phạt tù có thời hạn,bắt bị cáo phải cách ly khỏi xã hội một thời gian cần thiết mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành một công dân tốt có ích cho gia đình, vộng đồng và xã hội như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát và Luật sư bào chữa cho bị cáo đã đề nghị.

Ngoài hình phạt chính, HĐXX còn có thể áp dụng phạt bị cáo một khoản tiền để sung công quỹ nhà nước. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa thì bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản;bên cạnh đó bị cáo còn phải có trách nhiệm trả lại tiền cho người bị hại và người liên quan nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo để bị cáo yên tâm cải tạo và giáo dục trong thời gian chấp hành án nhằm thể hiện tính nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Cơ quan điều tra đã trả lại xe ô tô biển số 98A-XXX.YY cho anh Ngô Quang H là Tổng Giám đốc Công ty cổ phần tập đoàn tài chính H. Anh H không có yêu cầu gì thêm và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho T.

Anh T yêu cầu T trả lại số tiền 550.000.000 đồng; vợ chồng ông Nguyễn Văn Th yêu cầu T trả lại 1.400.000.000 đồng.HĐXX xét thấy yêu cầu trên của anh T và vợ chồng ông Th là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận yêu cầu của anh T và vợ chồng ông Th đã đưa ra.

[7]. Về xử lý vật chứng: Đối với chiếc xe ô tô biển số 98A-XXX.YY cho anh Ngô Quang H. Anh H không có yêu cầu gì thêm. HĐXX xét thấy là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với: Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô con số 203695 mang tên Dương Ngọc T, địa chỉ xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang, có chữ ký mang tên Hà Văn M ký ngày 06/8/2018và 01 Giấy chứng nhận kiểm định, có số KC 5417720, biển đăng ký 98A-185-03, có chữ ký mang tên Nguyễn Chí D, ký ngày 29/6/2018 nay cần tịch thu tiêu hủy.

[8]. Trong vụ án này, đối tượng Tuấn có hành vi làm giả cho T 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô và 01 giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô biển số 98A-XXX.YY. T khai không biết địa chỉ cụ thể nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ, khi nào có căn cứ sẽ xử lý sau. HĐXX xét thấy là phù hợp với quy định của pháp luật nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[9]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố bị cáoDương Ngọc T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" và tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

- Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1và khoản 2 Điều 51và Điều 38BLHS 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Dương Ngọc T 12 năm 06 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

- Căn cứ khoản 4 Điều 175; điểm s khoản 1và khoản 2 Điều 51và Điều 38BLHS 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Dương Ngọc T 12 năm tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

- Căn cứ khoản 1 Điều 341; điểm s khoản 1và khoản 2 Điều 51và Điều 38BLHS 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Dương Ngọc T 06 tháng tù về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

- Căn cứ Điều 55 BLHS 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Dương Ngọc T phải chịu hình phạt chung của các tội là: 25 (hai mươi lăm) năm tù.Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam, ngày 05/4/2019.

Không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứĐiều 48 Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 30 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự 2015.

Buộc bị cáo Dương Ngọc T phải trả lại ôngNguyễn Văn Th và bà Đinh Thị H số tiền 1.400.000.000 đồng.

Buộc bị cáo Dương Ngọc T phải trả lại anh Vũ Đức T số tiền 550.000.000 đồng.

3. Về xử lý vật chứng:Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sựnăm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

Tịch thu tiêu hủy: Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô con số 203695 mang tên Dương Ngọc T, địa chỉ xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang, có chữ ký mang tên Hà Văn M ký ngày 06/8/2018 và 01 Giấy chứng nhận kiểm định, có số KC 5417720, biển đăng ký 98A-185-03, có chữ ký mang tên Nguyễn Chí D, ký ngày 29/6/2018.

4.Án phí và quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 99; Điều 231; Điều 234 Bộ luật tố tụng hình sự; các Điều 21, 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Toà án.

Buộc bị cáo Dương Ngọc T phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm và 70.500.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a 7b và Điều 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, nguyên đơn dân sự vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt án hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Công an tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- Bị cáo, lưu hồ sơ vụ án và VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Văn Nâu